TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Như Nguyệt

2. Ông Nguyễn Minh Phương

***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*: Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 719/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số X chung cư T, Phường Y, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1981; địa chỉ: D đường P, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thảo H trình bày:

Bà H và Ông Nguyễn Quốc H quen biết nhau do cùng đi làm chung, tự nguyện tìm hiểu được khoảng 06 (sáu) tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số N/KH, quyển số 01/2009, đăng kí ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng trong những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông H không lo làm ăn mà chỉ cờ bạc, nợ nần, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, gây gổ. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay, nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H không thể nào tiếp tục chung sống với ông H nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với Ông Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Phương V (nữ, sinh ngày 12/10/2011). Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phương V, bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, theo kết quả xác minh Công an Phường M, Quận B cho biết Ông Nguyễn Quốc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số D đường P, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn – Ông Nguyễn Quốc H đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như không có văn bản phản hồi cho Tòa án; do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn; chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát trễ hạn theo khoản 1 Điều 196, Điều 203, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thảo H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thảo H được ly hôn với Ông Nguyễn Quốc H, trẻ Nguyễn Phương V (nữ, sinh ngày 12/10/2011) giao cho Bà Nguyễn Thị Thảo H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thảo H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Quốc H, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều

28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông H hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đều đã được tống đạt, niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong hai lần hòa giải, cũng như cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bị đơn - Ông Nguyễn Quốc H đều vắng mặt mà không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2020. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số N/KH, quyển số 01/2009, đăng kí ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường M Quận B Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Thảo H và Ông Nguyễn Quốc H là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì giữa bà H và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông H không lo làm ăn mà chỉ cờ bạc, nợ nần, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gây gổ. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, trong đó có văn bản thể hiện rõ các yêu cầu khởi kiện của bà H, nhưng ông H không hề có ý kiến phản hồi và việc không đến Tòa án tham gia vào việc giải quyết vụ án cũng thể hiện rằng ông H không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nguyên nhân trên cho thấy, quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thảo H được ly hôn Ông Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thảo H về việc tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương V (nữ, sinh ngày 12/10/2011). Hội đồng xét xử xét thấy cháu Vy hiện đang sống với mẹ, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ; Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thảo H giao con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, Bà Nguyễn Thị Thảo H tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Thảo H và Ông Nguyễn Quốc H được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận; thống nhất với ý kiến Viện kiểm sát về việc chậm tống đạt thông báo thụ lý và chậm đưa vụ án ra xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thảo H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo H được ly hôn với Ông Nguyễn Quốc H (Giấy chứng nhận kết hôn số N/KH, quyển số 01/2009, đăng kí ngày 15/5/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường M Quận B Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thảo H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Phương V (nữ, sinh ngày 12/10/2011).

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Thảo H không yêu cầu Ông Nguyễn Quốc H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Thảo H và Ông Nguyễn Quốc H được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0015252 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường M, Quận B;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Thu Thủy